

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TC
TỈNH AG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-5-2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Thanh Hùng;
- Ông Nguyễn Hoàng Tam.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa:
Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 406/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 48/2023/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mách Thị M, sinh năm: 1990; Địa chỉ: tổ 08, ấp Hòa Long, xã ChP, thị xã TC, tỉnh AG. Tạm trú: số 47/2 đường Bà Triệu, KP2, thị trấn HM, huyện HM, thành phố HCM;

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm: 1984; Địa chỉ: tổ 7, khóm Long An A, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG.

Chị M vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); anh A vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mách Thị M trình bày: Năm 2010, chị M và anh A tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LP, thị xã TC, tỉnh AG theo giấy chứng

nhận kết hôn số 142 ngày 19/12/2013. Đến năm 2016, chị M và anh A phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm nên dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay, chị M yêu cầu ly hôn với anh A.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị M và anh A không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 779/TB-TLVA ngày 21/10/2022; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 682/TB-TA ngày 14/11/2022 và số 89/TB-TA ngày 20/02/2023 cho anh Nguyễn Đức A nhưng anh A vắng mặt ở địa phương, Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng trên theo quy định pháp luật. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản ý kiến phản hồi của anh A đối với yêu cầu ly hôn của chị M và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có).

Tại phiên tòa, anh A vắng mặt; chị M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh nơi cư trú của anh Nguyễn Đức A tại Công an phường LP, thị xã TC; Xác minh tình trạng hôn nhân và con chung của chị M và anh A tại Ban khóm Long An A, phường LP, thị xã TC, cụ thể:

- Công an phường LP, thị xã TC cung cấp: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 07, khóm Long An A, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG nhưng anh A thường xuyên vắng mặt ở địa phương.

- Ban khóm Long An A, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG cung cấp: Về hôn nhân, chị M và anh A tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LP. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì chị M và anh A phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Về con chung, chị M và anh A không có con chung. Đối với tài sản chung và nợ chung của chị M và anh A thì không nắm.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân giữa chị Mách Thị M và anh Nguyễn Đức A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của chị M và anh A đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh A là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về con chung, chị M và anh A không có nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mách Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đức A.

Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền: Chị Mách Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức A. Anh A có nơi cư trú tại tổ 7, khóm Long An A, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức A đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mách Thị M và anh Nguyễn Đức A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LP, thị xã TC, tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 19/12/2013, hôn nhân giữa chị M và anh A là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị M khai: Quá trình chung sống, đến năm 2016 thì chị M và anh A phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm nên dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay, chị M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

Qua xác minh tại Ban khóm Long An A, phường LP, thị xã TC cung cấp: Thời gian đầu, chị M và anh A chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì chị M và anh A phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị M và anh A phát sinh mâu thuẫn vào năm 2016, do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và sống xa nhau từ năm 2016 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị M và anh A hàn gắn tình cảm, nhưng anh A vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị M và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị M. Xét, cho chị Mách Thị M ly hôn với anh Nguyễn Đức A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị M và anh A không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Mách Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Đức A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mách Thị M.

Chị Mách Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 142 được Ủy ban nhân dân phường LP, thị xã TC, tỉnh AG cấp ngày 19 tháng 12 năm 2013 cho chị Mách Thị M và anh Nguyễn Đức A không còn giá trị pháp lý.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Mách Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007641 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG. Chị Mách Thị M đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Đức A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị M và anh A là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG (01);
- VKSND TX. TC (02);
- Chi cục THADS TX. TC (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương